TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2026/DS-ST
Ngày 04/02/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nga, bà Trương Thị Lệ Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 34/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2026/QĐST-DS ngày 06/01/2026, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 2L, quận B, thành phố H;

Nay là: 2L, phường V, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Th; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh K;

(Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022)

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Ngọc Đinh L. Chức vụ: Trưởng phòng Khách hành Agribank Chi nhánh K.

(Theo Giấy ủy quyền số 04/2022/NHNoKrB-UQTA ngày 01/12/2022)

Địa chỉ nơi làm việc: Số 211 N, thôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

(có mặt)

**** Bị đơn:*** Ông Lưu Anh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã D, tỉnh Đắk Lắk

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Nguyễn Tân Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)
- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã D, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Nguyễn Thị Hạnh Ph, sinh năm 1958 (vắng mặt)

HKTT: Thôn M, xã D, tỉnh Đắk Lắk

Tạm trú: 86/3/2G đường H, khu phố B, phường A, tp Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại các bản khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, đại diện Nguyên đơn trình bày*:

Vào ngày 11/7/2016, ông Lưu Anh T có làm hợp đồng ủy quyền, có chữ kí bên A (bên ủy quyền) gồm: Nguyễn Thị Hạnh Ph, Nguyễn Tân Q, Bùi Thị H và bên B (bên được ủy quyền) là Lưu Anh T. Tuy nhiên Ngân hàng nhận thấy đây không đúng là chữ kí của các thành viên trong gia đình ông T, mặt khác tài sản bảo đảm cho khoản vay thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph (mẹ ruột ông Lưu Anh T) nên Ngân hàng đã đề nghị ông T làm lại Giấy ủy quyền vào ngày 22/7/2016 có chữ kí của bên được ủy quyền (Lưu Anh T) và bên ủy quyền (Nguyễn Thị Hạnh Ph), phía dưới có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 25/7/2016. Ngân hàng xác định Giấy ủy quyền viết tay ngày 22/7/2016 giữa ông T và bà Ph là Giấy ủy quyền đúng chữ ký của bà Ph theo quy định nên đã cho ông Lưu Anh T kí kết hợp đồng tín dụng.

Ngày 26/07/2016, ông Lưu Anh T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 5205LAV201604072 với Ngân hàng A - Chi nhánh huyện K để vay ngân hàng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn); lãi suất vay: 12%/năm; thời hạn vay là 12 tháng, hẹn ngày trả nợ cuối cùng là 26/07/2017.

Số tiền vay trên được ông T cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 859 thuộc tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích được cấp là 250m^2, tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 915595 ngày 07/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Hạnh Ph (mẹ ruột ông T).

Kể từ khi vay đến nay, ông T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph chưa trả được số tiền nợ gốc và lãi nào cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 31/03/2024, ông T và

bà Ph còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 231.183.333 đồng, trong đó nợ gốc: 100.000.000 đồng, nợ lãi là 131.183.333 đồng (Tạm tính đến ngày 31/03/2024).

Ngân hàng khẳng định tất cả các giấy tờ và hồ sơ mà Ngân hàng đã cung cấp tại Tòa án là do ông Lưu Anh T kí kết. Trường hợp ông T cho rằng giả mạo thì yêu cầu ông T tự chứng minh. Nay Ngân hàng yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc ông Lưu Anh T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện K tổng số tiền 231.183.333 đồng. Trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi là 131.183.333 đồng (Tạm tính đến ngày 31/03/2024).

- Yêu cầu buộc ông Lưu Anh T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 01/04/2024 cho đến khi trả hết nợ vay.

- Yêu cầu Tòa án tuyên trường hợp ông Lưu Anh T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Agribank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm khoản vay tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 5205LAV201604072 ngày 26/07/2016 để thu hồi nợ, đó là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 859 thuộc tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích 250m2, tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 915595 ngày 07/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Hạnh Ph.

- Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán khoản nợ thì yêu cầu ông Lưu Anh T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph tiếp tục trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Đối với ông Nguyễn Tân Q và bà Bùi Thị H: hai người này không liên quan gì đến khoản vay của ông T và bà Ph, Ngân hàng không yêu cầu họ trả nợ và cũng không có ý kiến gì về chữ kí của ông Quang và Bà H.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2024, bị đơn ông Lưu Anh T khai*: Do ông cần vay một số tiền mà không có đất thì có người giới thiệu nếu muốn vay thì phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải được chính chủ đất đó uỷ quyền để đi vay và thế chấp đất thì mới vay được. Ông có nói với mẹ ông (bà Nguyễn Thị Hạnh Ph) cho ông mượn bìa đỏ và ký dùm ông giấy uỷ quyền để ông đi vay và thế chấp để vay. Bà Ph hoàn toàn không biết ông sẽ vay và thế chấp ở đâu. Giấy uỷ quyền do mẹ ông tự viết bằng tay, có nội dung: "Bà có miếng đất ở tại thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay bà uỷ quyền cho con bà là Lưu Anh T được toàn quyền sử dụng thửa đất này", Giấy có chữ ký của mẹ

ông, ngoài ra không có chữ ký của ai khác, không được công chứng, chứng thực. Trước ngày 26/07/2016 khoảng 01 tuần thì ông có liên hệ với bà H (không biết họ tên, là nhân viên trong Ngân hàng) đề nghị cho ông vay số tiền 100.000.000 đồng, thủ tục vay thì nhờ bà H làm giúp.

Do đó ngày 26/07/2016, ông và ông Phát (không nhớ họ tên, địa chỉ) cầm theo Giấy uỷ quyền trên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 915595 được UBND huyện K cấp ngày 07/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Hạnh Ph, lên Ngân hàng A – Chi nhánh huyện K gặp bà H, bà H xem Giấy uỷ quyền và Giấy chứng nhận xong thì bà H chỉ ông lên trên tầng 2 gặp ông N để ông N giải ngân.

Ông có nói ông N nói ông cần vay 100.000.000 đồng và bà H chỉ ông lên đây để gặp ông N giải ngân. Hai ông thoả thuận lãi suất vay là 12%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng, tính từ ngày 26/07/2016. Ông N đồng ý và đưa cho ông một bộ hồ sơ khoảng 02 tờ, ông có ký nhưng không đọc nên không biết là ký giấy tờ gì. Ông N đưa cho ông 100.000.000 đồng tiền mặt, ông có ký giấy nhận tiền. Sau đó ông N có nói lãi thu 1 quý (3 tháng), đóng lãi một lần và ông N thu trước 03 tháng lãi đầu tiên nên ông đếm tiền đưa cho ông N đủ số tiền lãi của 03 tháng đầu (ông không nhớ chính xác số tiền bao nhiêu). Ông có ký phiếu thu 03 tháng tiền lãi và ông được giao 01 bản cầm về, nay ông đã làm thất lạc nên không thể cung cấp cho Toà án. Sau ngày 26/07/2016 đến nay thì ông không lên Ngân hàng, cũng chưa trả thêm số tiền gốc và lãi nào.

Khoảng 03 tháng sau khi vay, ông gọi điện cho ông N nhằm mục đích xin khất lại tiền lãi để 03 tháng tiếp theo sẽ đóng một lần 06 tháng tiền lãi nhưng điện thoại không liên lạc. Khoảng một thời gian khá lâu sau thì ông Tr (không rõ họ tên, hiện đang là nhân viên Ngân hàng) gọi cho ông nói sao ông vay mà không về trả, không đóng tiền lãi, tiền lời gì hết. Ông đã trả lời ông không có vay Ngân hàng, không mắc nợ Ngân hàng thì ông Tr gửi cho ông bộ hồ sơ gồm 02 giấy vay nợ, ông có yêu cầu ông Tr cung cấp Hợp đồng vay và khế ước vay thì ông Tr trả lời không có và cúp máy. Từ 2018 đến 2023, ông không thấy ông Tr gọi điện nhắc nợ. Cho đến ngày 07/07/2023, ông Tr và một người nữa ông không biết qua nhà gặp mẹ ông trao đổi rằng ông có vay Ngân hàng 100.000.000 đồng, mẹ ông không biết gì nhưng thấy giấy vay mà ông Tr cung cấp thì mẹ ông nói như vậy rồi thì giúp cho bà xin bớt lãi và xin trả dần. Mẹ ông không hiểu biết nhưng ông Tr nói mẹ ông cứ ký đi rồi có gì ông Tr sẽ giúp đỡ,

nghe vậy nên mẹ ông đã ký tên trong Biên bản làm việc ngày 07/7/2023.

Từ ngày 07/7/2023 cho đến khi Toà án triệu tập ông, vợ ông (Bùi Thị H), mẹ ông (Nguyễn Thị Hạnh Ph) và em ông (Nguyễn Tân Q) lên làm việc thì Ngân hàng không hề làm việc lại với gia đình ông. Bà H, bà Ph và ông Quang nhiều lần nhận được Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập của Toà án nhưng không lên làm việc vì họ cho rằng họ không liên quan đến việc vay mượn và cũng không ký tên trong Hợp đồng tín dụng nên không lên làm việc.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông xin xác nhận là vào năm 2016 ông vay tiền của ông Nguyễn Hoàng Nguyên, nhân viên Ngân hàng A - Chi nhánh huyện K. Ông vay ông N số tiền 100.000.000 đồng, không thoả thuận lãi suất, không thoả thuận hạn trả nợ. Trong quá trình vay ông có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy uỷ quyền viết tay cho bà H nhân viên Ngân hàng A - Chi nhánh huyện K. Sau khi ông đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy uỷ quyền viết tay cho bà H thì bà H có nói ông lên lầu 2 của Ngân hàng, gặp ông N để giải ngân.

Ông đã được Toà án cho tiếp cận hồ sơ và thấy rằng toàn bộ hồ sơ Ngân hàng cung cấp tại Toà án là giả mạo, gồm: 01 Hợp đồng uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph uỷ quyền cho ông Lưu Anh T ngày 11/7/2016; 01 Giấy uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph uỷ quyền cho ông Lưu Anh T ngày 22/07/2016 được UBND xã H chứng thực ngày 25/7/2016; 01 Giấy cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 07/07/2016; 01 Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 07/07/2016; 01 Hợp đồng tín dụng số 5205LAV201604072 ngày 26/07/2016. Chữ ký, chữ viết tên Lưu Anh T, Bùi Thị H, Nguyễn Thị Hạnh Ph và Nguyễn Tân Q đều là giả mạo, các ông bà không ký tên trong bất cứ biên bản nào ở trên. Ông yêu cầu giám định toàn bộ chữ ký, chữ viết Lưu Anh T, Bùi Thị H, Nguyễn Thị Hạnh Ph và Nguyễn Tân Q trong 05 văn bản trên.

Nay Ngân hàng A - Chi nhánh huyện K khởi kiện với số tiền tạm tính đến ngày 31/03/2024 là 231.183.333 đồng, trong đó nợ gốc: 100.000.000 đồng, nợ lãi là 131.183.333 đồng (Tạm tính đến ngày 31/03/2024) thì ý kiến của ông như sau:

Về số tiền gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu thì đúng với tiền gốc và lãi ông vay của ông N nên ông không có ý kiến gì. Tuy nhiên, ông không đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên vì ông không mượn tiền của Ngân hàng mà mượn tiền của ông Đỗ Hoàng N. Mặc dù ông và ông N có thoả thuận lãi nhưng ông chỉ

đồng ý trả cho ông N 100.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi trong vòng 03 năm (mỗi năm trả 40.000.000 đồng).

Khoản nợ 100.000.000 đồng do một mình ông vay, không liên quan gì đến mẹ ông (Nguyễn Thị Hạnh Ph), vợ ông (Bùi Thị H) và em trai ông (Nguyễn Tân Q). Đề nghị Toà án không đưa mẹ ông, vợ ông và em trai ông vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì họ không liên quan đến vụ án.

** Tại biên bản làm việc ngày 21/10/2024, bị đơn Lưu Anh T trình bày:* Đối với chữ ký, chữ viết của ông, bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Tân Q thì ông xin rút yêu cầu giám định, ông không yêu cầu giám định nữa vì xét thấy không cần thiết.

Ông chỉ yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của mẹ ông là bà Nguyễn Thị Hạnh Ph (hiện đang làm ăn, sinh sống tại địa chỉ: 86/5/2G đường 27, phường 6, quận Gò Vấp, tp Hồ Chí Minh, SĐT: 0917.420.633) tại Giấy ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph ủy quyền cho ông Lưu Anh T ngày 22/07/2016 được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 25/7/2016.

Hiện nay ông chưa chuẩn bị được chi phí để nộp tạm ứng chi phí giám định, ông đề nghị Toà án cho ông đến 21/11/2024 ông sẽ nộp tạm ứng chi phí giám định.

Ông Lưu Anh T đã được Toà án công khai tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, được Toà án thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng để giám định chữ ký, chữ viết trong Giấy uỷ quyền, hợp đồng uỷ quyền, hợp đồng tín dụng v.v.. nhưng ông không nộp tạm ứng và không có ý kiến gì, ông T sau đó đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ mới cho Toà án.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người làm chứng Nguyễn Thị H trình bày*: Trước đây bà là cán bộ Ngân hàng A – Chi nhánh huyện K, đến tháng 10/2017 thì bà nghỉ làm tại Ngân hàng.

Vào năm 2016, bà là trưởng phòng kinh doanh của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện K. Chức năng, nhiệm vụ của bà là điều hành, quản lý hoạt động của phòng kinh doanh.

Theo quy trình làm việc của Ngân hàng thì khách hàng muốn vay vốn sẽ gặp cán bộ tín dụng để được tư vấn, hỗ trợ hướng dẫn nộp hồ sơ vay vốn. Sau khi hồ sơ đủ điều kiện, đủ giấy tờ sẽ nộp tại cán bộ tín dụng quản lý địa bàn, Hợp đồng tín dụng được khách hàng ký kết trước mặt cán bộ tín dụng tại thời điểm nộp hồ sơ. Cán bộ tín dụng sẽ kiểm tra lại hồ sơ, ký xác nhận tại Giấy đề

nghị kiêm phương án vay vốn và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân. Sau đó cán bộ tín dụng sẽ chuyển toàn bộ hồ cho phòng kinh doanh để kiểm tra, kiểm soát lại một lần nữa. Nếu đủ điều kiện, trưởng phòng kinh doanh sẽ ký duyệt hồ sơ và trực tiếp đem hồ sơ lên để lãnh đạo kiểm tra, ký duyệt cho vay. Sau khi lãnh đạo ký xong thì hồ sơ được trưởng phòng kinh doanh lấy và chuyển xuống cho cán bộ tín dụng (để đăng ký và duyệt trên hệ thống). Sau đó hồ sơ được cán bộ tín dụng đưa sang bộ phận giải ngân.

Hồ sơ vay vốn của ông Lưu Anh T cũng qua các quy trình như trên. Tại thời điểm vay vốn thì ông Đỗ Hoàng N là cán bộ tín dụng quản lý địa bàn xã H. Ông N là người trực tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ của ông T sang phòng kinh doanh, bà đã kiểm tra hồ sơ và phát hiện chữ viết của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph trong Hợp đồng uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph, bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Tân Q uỷ quyền cho ông Lưu Anh T ngày 11/7/2016 giống với chữ viết tay trong phần điền vào chỗ trống của hợp đồng cũng như phần lời chứng thực của Chủ tịch/Phó chủ tịch UBND nên bà trả hồ sơ lại cho ông N để yêu cầu khách hàng bổ sung lại giấy uỷ quyền cho đúng. Đến ngày 25/7/2016, ông N chuyển toàn bộ hồ sơ của ông Lưu Anh T đến phòng kinh doanh, có bổ sung Giấy uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph uỷ quyền cho ông Lưu Anh T ngày 22/07/2016 được UBND xã H chứng thực ngày 25/7/2016 nên bà đã ký duyệt hồ sơ, chuyển cho lãnh đạo ký duyệt và chuyển xuống cho ông N làm thủ tục giải ngân cho ông T.

Như vậy hồ sơ của ông T là đầy đủ và được thực hiện đúng quy định. Việc uỷ quyền giữa bà Hạnh Ph và ông T ban đầu nghi ngờ chữ ký, chữ viết của bà Ph nên bà đã yêu cầu ông T bổ sung giấy uỷ quyền cho đúng. Giấy uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph uỷ quyền cho ông Lưu Anh T được UBND xã H chứng thực ngày 25/7/2016, được ông T trực tiếp giao nộp cho bà và có chứng thực của UBND xã H là đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó lời trình bày của ông T là không đúng sự thật.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người làm chứng Đỗ Hoàng N trình bày*:

Ông không có quan hệ gì với ông Lưu Anh T, trước khi ông T vay mượn tại Ngân hàng thì ông không quen biết ông T.

Ông là nhân viên tín dụng của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện K từ 2004, cho đến năm 2010 thì làm Phó phòng tín dụng của Ngân hàng. Đến tháng 10/2017 thì ông thôi việc, không còn làm ở Ngân hàng nữa.

Vào năm 2016, ông Lưu Anh T có nhu cầu vay số tiền 100.000.000 đồng nên có lên Ngân hàng gặp ông để được hướng dẫn vay vốn của Ngân hàng.

Ông T cung cấp cho Ngân hàng Giấy uỷ quyền do ông T làm tại UBND xã H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Hạnh Ph nộp cho ông. Ông xét thấy đủ điều kiện nên ông soạn thảo Giấy cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 07/07/2016; Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 07/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số 5205LAV201604072 ngày 26/07/2016 để ông T ký kết. Toàn bộ các giấy tờ này đều do ông Lưu Anh T ký trước mặt ông, là chữ ký của ông Lưu Anh T.

Như vậy ông có đưa ông T ký 01 bộ hồ sơ gồm 01 Giấy cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 07/07/2016; 01 Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 07/07/2016 và 01 Hợp đồng tín dụng số 5205LAV201604072 ngày 26/07/2016 như Ngân hàng đã cung cấp tại Toà án. Ngoài ra hồ sơ còn có 01 Hợp đồng uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph, ông Nguyễn Tân Q và bà Bùi Thị H uỷ quyền cho ông Lưu Anh T ngày 11/7/2016; 01 Giấy uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph uỷ quyền cho ông Lưu Anh T ngày 22/07/2016 được UBND xã H chứng thực ngày 25/7/2016 đều do ông T cung cấp, có chứng thực của UBND xã H là đúng quy định của pháp luật. Còn lý do có 01 Giấy uỷ quyền và 01 Hợp đồng uỷ quyền trong hồ là do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ph chứ không phải hộ gia đình nên ông yêu cầu ông T làm lại Giấy uỷ quyền viết tay cho một mình bà Ph ký uỷ quyền và bổ sung cho Ngân hàng.

Ông T có đọc kỹ hồ sơ và ký hồ sơ. Sau khi hồ sơ được ký kết đầy đủ, ông đã chuyển toàn bộ hồ sơ lên cho bà Nguyễn Thị H (là trưởng phòng tín dụng) kiểm tra, ký duyệt và bà H chuyển hồ sơ lên cho lãnh đạo tiếp tục ký duyệt. Sau đó hồ sơ được chuyển lại cho ông làm thủ tục giải ngân, ông trực tiếp giao tiền cho ông T, ông T nhận tiền và ký nhận vào sổ vay vốn hay hợp đồng tín dụng thì do đã lâu ông không nhớ chính xác.

Ông T trình bày là mâu thuẫn và không đúng sự thật. Ông T nói vay tiền của ông không có lãi, không có thời hạn trong khi ông lại xác nhận số tiền gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu là đúng với tiền gốc và lãi ông T vay của ông. Số tiền ông T vay là tiền của Ngân hàng, không liên quan gì đến tiền cá nhân ông vì ông không quen biết gì với ông T mà cho ông T vay.

Ông T khai trả lãi cho ông một lần và ông thu trước 03 tháng lãi đầu tiên là không đúng sự thật.

Khoản nợ 100.000.000 đồng là bà Nguyễn Thị Hạnh Ph uỷ quyền cho ông T vay và uỷ quyền thế chấp tài sản. Như vậy bà Nguyễn Thị Hạnh Ph và ông Lưu Anh T có trách nhiệm chung đối với khoản nợ trên. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thì nay ông không còn là nhân viên của ngân hàng nên ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người làm chứng Nguyễn Đình S trình bày*: Ông là chủ tịch UBND xã H từ năm 1987, cho đến năm 2021 thì ông nghỉ hưu trí.

Đối với Giấy uỷ quyền giữa bà Nguyễn Thị Hạnh Ph và ông Lưu Anh T lập ngày 22/7/2016 (được UBND xã H chứng thực ngày 25/7/2016) thì Cán bộ tư pháp (lúc này là bà Trần Thị Minh Th) đã kiểm tra đầy đủ thủ tục, sau đó bà Ph và ông T ký trước mặt cán bộ tư pháp, cán bộ tư pháp sau đó trình bộ hồ sơ cho ông ký xác nhận nên mới có sự sai lệch về ngày tháng lập và ngày ký xác nhận. Còn việc có phải bà Nguyễn Thị Hạnh Ph và ông Lưu Anh T ký hay không thì UBND xã đã làm đúng quy định nên xác định chữ ký trong Giấy uỷ quyền là chữ ký của bà Nguyễn Thị Hạnh Ph và ông Lưu Anh T.

Đối với Hợp đồng uỷ quyền giữa bà Nguyễn Thị Hạnh Ph, ông Nguyễn Tân Q, bà Bùi Thị H và ông Lưu Anh T được UBND xã H chứng thực ngày 11/7/2016. Cán bộ tham mưu của xã trình ký (lâu quá ông không nhớ cán bộ nào) việc kiểm tra hồ sơ và chứng kiến những ông bà trên trực tiếp ký vào hợp đồng, thì sau đó cán bộ tham mưu mới trình bộ hồ sơ cho ông ký xác nhận. Ngoài ra ông không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người làm chứng Trần Thị Minh Th trình bày*: Đối với Giấy uỷ quyền giữa bà Nguyễn Thị Hạnh Ph và ông Lưu Anh T lập ngày 22/7/2016 (được UBND xã H chứng thực ngày 25/7/2016) thì thời gian đã quá lâu bà không thể nhớ được nguyên nhân cụ thể sai lệch ngày nhưng bà đã kiểm tra đảm bảo chữ ký của bà Ph và ông T bà mới trình bộ hồ sơ cho chủ tịch Nguyễn Đình S ký xác nhận. Còn việc có phải bà Nguyễn Thị Hạnh Ph và ông Lưu Anh T ký hay không thì bà khẳng định chữ ký trong Giấy uỷ quyền bà Nguyễn Thị Hạnh Ph và ông Lưu Anh T ký trước mặt bà nên là chữ ký của bà Ph và ông T. Đối với Hợp đồng uỷ quyền giữa bà Nguyễn Thị Hạnh Ph, ông Nguyễn Tân Q, bà Bùi Thị H và ông Lưu Anh T được UBND xã H chứng thực ngày 11/7/2016 thì bà không xử lý hồ sơ này nên bà không biết. Ngoài ra bà không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

* *Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/12/2025 thể hiện:* Thửa đất số 859, tờ bản đồ số 10 tại thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thôn M, xã D, tỉnh Đắk Lắk), có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Liên Ph1, phía Tây giáp đường giao thông nông thôn, phía Nam giáp đường, phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Liên Ph1. Trên đất có các tài sản: 01 Căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 95m^2 (gồm 01 phòng bếp, 01 nhà về sinh, 01 nhà tắm và 01 nhà kho), có kết cấu nền láng xi măng, móng xây đá hộc, tường xây gạch 20x10, mái lợp tôn, trần laphong tôn, cửa kính khung sắt. Hàng rào phía trước nhà là trụ bê tông rào lưới B40. Hiện nay bà Bùi Thị H đang ở nhờ trên đất.

Toà án triệu tập nhiều lần bà Nguyễn Thị Hạnh Ph, bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Tân Q nhưng những người này không có mặt theo Giấy triệu tập của Toà án và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại phiên toà: Đại diện nguyên đơn là trình bày các nội dung như đã trình bày trong các biên bản làm việc tại Toà án. Đại diện nguyên đơn yêu cầu buộc ông Lưu Anh T, bà Nguyễn Thị Hạnh Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ là 264.933.333 đồng. Trong đó nợ gốc: 100.000.000 đồng; nợ lãi là 164.933.333 đồng, tính đến ngày 04/02/2026. Kể từ ngày 05/02/2026, ông Lưu Anh T, bà Nguyễn Thị Hạnh Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5205LAV201604072 ngày 26/07/2016, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 915595 được Ngân hàng giữ hộ, giữa Ngân hàng và ông T, bà Ph không đăng ký giao dịch bảo đảm nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do đó Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 859 thuộc tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích được cấp là 250m^2, tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

* ***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của BLTTDS;

một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lưu Anh T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph phải trả nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi là 164.933.333 đồng, tạm tính đến ngày 04/02/2026. Yêu cầu ông T, bà Ph phải trả lãi theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 859 thuộc tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích được cấp là 250m^2, tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1.] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết.

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Lưu Anh T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph phải trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, HĐXX xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn Lưu Anh T có địa chỉ cư trú tại xã Dang Kang, tỉnh Đắk Lắk, hợp đồng được ký kết và thực hiện tại xã Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hạnh Ph, Nguyễn Tân Q và Bùi Thị H vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất, nên HĐXX ra quyết hoãn phiên toà. Phiên toà lần thứ 2, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 5205LAV201604072 ngày 26/07/2016 thể hiện bị đơn Lưu Anh T (đồng thời được bà Nguyễn Thị Hạnh Ph uỷ quyền) ký kết hợp đồng tín dụng tại Ngân

hàng A - Chi nhánh huyện K để vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất vay: 12%/năm; thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 26/07/2017. Ông Lưu Anh T có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ và hợp đồng có nội dung thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Đối với Hợp đồng uỷ quyền ngày 11/7/2016 giữa bà Nguyễn Thị Hạnh Ph, ông Nguyễn Tân Q, bà Bùi Thị H với ông Lưu Anh T về việc uỷ quyền cho ông Lưu Anh T có nội dung uỷ quyền "Bên B (bên được uỷ quyền) thay mặt và nhân danh bên A (bên uỷ quyền) toàn quyền quyết định, định đoạn tài sản là quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình (là thửa đất số 859 thuộc tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 915595 ngày 07/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Hạnh Ph) như đã nêu trên..." và Giấy uỷ quyền viết tay lập ngày 22/07/2016, được chứng thực tại UBND xã H ngày 25/7/2016 giữa ông Lưu Anh T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph uỷ quyền cho ông T "được quyền sử dụng đất, để vay vốn Ngân hàng A – chi nhánh K". Như vậy, bà Ph đã uỷ quyền cho ông T được quyền sử dụng đất, được quyền vay vốn tại Ngân hàng A – chi nhánh K là đúng ý chí, nguyện vọng của bà Ph.

Ông T cho rằng Hợp đồng tín dụng và các giấy tờ có liên quan bao gồm cả Hợp đồng uỷ quyền và Giấy uỷ quyền nói trên có các chữ ký của ông T, bà Ph, Bà H và ông Quang đều bị giả mạo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc giả mạo, Tòa án đã yêu cầu bị đơn nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký nhưng ông không thực hiện và rút yêu cầu giám định đối với chữ ký của ông, bà H và ông Quang, sau đó bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho Toà án, như vậy, ông T đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, không có cơ sở để xác định xác chữ ký Lưu Anh T trong Hợp đồng tín dụng số 5205LAV201604072 ngày 26/07/2016, trong Giấy uỷ quyền viết tay lập ngày 22/07/2016 và Hợp đồng uỷ quyền ngày 11/7/2016 là giả mạo.

[2.2] Ông T thừa nhận đã nhận đủ số tiền gốc 100.000.000 đồng từ cán bộ tín dụng tại thời điểm vay vốn là ông Đỗ Hoàng N, đồng thời đóng trước tiền lãi là 3.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp các các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp. Ông T cho rằng ông chỉ vay tiền của ông Đỗ Hoàng N chứ không vay tiền của Ngân hàng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, do đó không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy, tại biên bản làm việc giữa đại diện Ngân hàng (ông Nguyễn Văn Tr) và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph ngày 07/07/2023 thì bà Ph có xin trả góp, xin Ngân hàng cho trả gốc 100.000.000 đồng và lãi là 40.000.000 đồng. Mặt khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 915595 ngày 07/11/2014 mang tên bà Nguyễn Thị Hạnh Ph thuộc quản lý của bà Ph, được bà Ph giao cho ông T để đưa vào Ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo vay vốn. Bà Hạnh Ph đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Toà án nhưng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Như vậy, bà Hạnh Ph biết việc vay mượn trên và chấp nhận trả nợ. Do đó, ông Lưu Anh T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là đúng quy định của pháp luật. Riêng ông Nguyễn Tân Q, bà Bùi Thị H không không uỷ quyền cho ông T vay vốn tại Ngân hàng nên ông Quang và Bà H không có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Ông Lưu Anh T và bà Nguyễn Thị Hạnh Ph đã không trả nợ theo như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi định kỳ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, tính đến ngày 04/02/2026, ông T, bà Ph mới chỉ trả được 3.000.000 đồng tiền lãi là phù hợp với lời trình bày của ông Lưu Anh T, số tiền gốc còn nợ lại là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh là 164.933.333 đồng. Toàn bộ khoản nợ gốc của ông T, bà Ph và lãi phát sinh đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà Ph phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh là 164.933.333 đồng (tạm tính đến 04/02/2026), buộc ông T, bà Ph tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 05/02/2026 cho đến khi trả hết nợ gốc, là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên về gốc và lãi ký kết trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 859 thuộc tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích được cấp là 250m^2, tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Xét thấy Ngân hàng rút yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] Chi phí tố tụng và án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Đối với yêu cầu xử lý tài sản cam kết bảo đảm để thu hồi nợ tại phiên toà nguyên đơn rút yêu cầu nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241; Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 299, Điều 463 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng: khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc ông Lưu Anh T, bà Nguyễn Thị Hạnh Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ là 264.933.333 đồng. Trong đó nợ gốc: 100.000.000 đồng; nợ lãi là 164.933.333 đồng, tính đến ngày 04/02/2026.

Kể từ ngày 05/02/2026, ông Lưu Anh T, bà Nguyễn Thị Hạnh Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5205LAV201604072 ngày 26/07/2016, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 859 thuộc tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích được cấp là 250m^2, tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng A chịu 1.300.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (Ngân hàng đã nộp và đã chi phí xong).

4. Về án phí: Ông Lưu Anh T phải chịu 13.267.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Thi hành án dân tỉnh Đắk Lắk.

Trả lại cho Ngân hàng A (Chi nhánh K) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.780.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0007047 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực S - Đắk Lắk).

Trường hợp bản bán được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TANDTC;
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực S – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Tâm